



KHẢO-SÁT LÝ-THUYẾT HỚT TÓC KIỂU TOÀN-QUỐC

BẢNG THÔNG-TIN CHO THÍ-SINH

Xin vào mạng-lưới (website) cung-cấp những bản-tin khảo-thí mới nhất của các bạn trước khi thi.

Sự khảo-sát toàn quốc về lý-thuyết hớt tóc kiểu là sự khảo-thí giấy phép hành nghề cho những người hớt tóc kiểu, nó được khai-triển bởi Hội-Đồng của Thẩm-Mỹ giữa các tiểu-bang toàn-quốc(NIC). Bản-tin này chứa TIN-TỨC QUAN-TRỌNG về sự khảo-thí, bao gồm những nét đại-cương được trình-bày trong phần khảo-thí lý-thuyết, những câu hỏi và những câu trả-lời kiểu-mẫu, và những tham-khảo. Thời-gian cho phép thi phần khảo-sát lý-thuyết hớt tóc kiểu là 90 phút.

XIN XEM LẠI TẤT-CẢ SỰ CHỈ-DẪN MỘT CÁCH CẨN-THẬN

NHỮNG CHỈ-DẪN QUAN-TRỌNG

- Đứng rời khỏi phòng thi không có sự cho phép. Phải xin phép để được chấp thuận cho rời khỏi phòng thi cho bất-cứ lý-do gì, kể cả việc xử-dụng phòng vệ-sinh. Thẻ nhân dạng phải có hình cho mỗi lần trở-lại đi vào phòng thi.
- Ngoài những lời chỉ-dẫn, giám-thị và nhân-viên quản-lý thi không được phép trò-chuyện với thí-sinh
- Nếu thí-sinh có trường hợp khẩn-cấp, xin thông-báo cho giám-thị
- Những thí-dụ về và hành-động sau đây bị cấm- đoán trong lúc quản-lý cuộc thi:
 - Sở-hữu điện thoại cầm tay, máy nhắn (pager), bảng viết (tablets), máy vi-tính (computer), máy chiếu hình (projectors), máy chụp hình (cameras), hay bất cứ điện-tử hay dụng cụ ghi âm, những vật-liệu đã in sẵn, hay những ghi-chú viết tay.
 - Nói chuyện với những thí-sinh khác
 - Có hành-vi xáo-trộn.
 - *Những điểm dẫn-chứng và những hành-động ở trên không liệt-kê hết danh-sách. Không tuân-theo bất cứ một trong những điều kiện này hay phô-bày bất-cứ thái-độ nào ngụ-ý sự gian-xảo sẽ đưa đến kết-qua là thí-sinh bị lập-tức loại khỏi cuộc thi và những hành-động của thí-sinh được báo-cáo đến giới-chức có thẩm-quyền.*

ĐẠI-CƯƠNG PHẦN THI LÝ-THUYẾT CỦA THỢ HỚT TÓC KIỂU

1. **KHÁI-NIỆM KHOA-HỌC (27%)**
 - A. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về nguyên-tắc và thực-hành của sự kiểm-soát nhiễm-trùng cũng những liên-hệ tới:
 1. Vi-trùng học
 - a. Vi-trùng
 - b. Siêu vi-khuẩn
 - c. Ký-sinh trùng
 - d. Miễn-nhiễm
 - e. Sự ngăn-ngừa
 2. Cách-thức kiểm-soát nhiễm-trùng
 - a. Sự vệ-sinh
 - b. Sự khử-trùng
 - c. Sự tiệt-trùng
 3. Những điều-lệ của Liên-Bang
 - a. Bảng chỉ-dẫn Điều-hành Quản-trị về sức-khoẻ và an-toàn nghề-nghiệp
 - b. Sự ngăn-ngừa tổng-quát
 - c. Bảng Dữ-kiện An-toàn Vật-liệu (MSDS)
 - d. Cơ-quan Bảo-vệ Môi-trường (EPA)
 - e. Cơ-quan Điều-hành Thực-phẩm và Thuốc (FDA)
 4. Trợ cứu trước nhất
 - a. Chảy máu và thương-tích nhẹ
 - b. Phồng nhẹ
 - c. Ngứa mắt nhẹ

- B. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về căn-bản giải-phẫu con người cũng như những liên-hệ tới:
1. Những tế-bào
 2. Những mô
 3. Những cơ-quan
- C. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về căn-bản sinh-lý-học (hệ-thống cơ-thể) cũng như những liên-hệ tới:
1. Hệ-thống bộ xương
 - a. Đầu
 - b. Mặt
 - c. Cổ
 2. Hệ-thống cơ-bắp (bắpthịt)
 - a. Đầu
 - b. Mặt
 - c. Cổ
 3. Hệ-thống thần-kinh
 - a. Đầu
 - b. Mặt
 - c. Cổ
 4. Hệ-thống tuần-hoàn
 5. Hệ-thống nội-tiết
 6. Hệ-thống tiêu-hóa
 7. Hệ-thống hô-hấp
 8. Hệ-thống da (Hệ-thống vỏ bọc cơ-thể)
 9. Hệ-thống bài-tiết
- D. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những nguyên-tắc căn-bản của hóa chất cũng như những liên-hệ tới:
1. Vật thể
 2. Độ pH
 3. Sự tác-dụng của sự dinh-dưỡng trên tóc, da đầu, và da
 4. Những hợp-chất
 5. Những chất pha-trộn
 6. Các thành-phần của sản-phẩm
 7. Nhân-hiệu sản-phẩm
 8. Sản-phẩm an-toàn
- E. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những nguyên-tắc căn-bản của điện cũng như những liên-hệ tới:
1. Dòng điện (điện hai chiều)
 2. Những sự đo-lường dòng điện
 3. Điện trong sự hớt tóc kiểu
 - a. Điện trị-liệu (Trị-liệu bằng dòng điện)
 - b. Ánh-sáng trị-liệu (Trị-liệu bằng ánh-sáng)

2. DỊCH-VỤ SẢN-SỐ C TÓ C(40%)

- A. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về khoa-học lông và tóc cũng như những liên-hệ tới:
1. Những đặc-tính và cấu-trúc của tóc và da đầu
 - a. Thân tóc
 - i. Vỏ tóc
 - ii. Lớp giữa sợi tóc
 - iii. Lõi tóc
 - b. Gốc tóc
 - i. Nang tóc
 - ii. Bầu tóc
 - iii. Hình chóp nhỏ dưới nang lông
 - iv. Cơ dựng lông tóc
 - v. Tuyến dầu

2. Phân-tách tóc và phẩm-chất tóc
 - a. Độ hút thấm
 - b. Cỡ tóc
 - c. Đàn hồi
 - d. Đậm-đặc
 3. Những thời kỳ tóc mọc
 4. Tóc rụng
 - a. Những loại
 - b. Những sự chữa-trị
 5. Những sự rối loạn tóc và da đầu
 - a. Những loại
 - b. Những sự chữa-trị
- B. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về sự thực-hiện tham-khảo khách hàng cũng như những liên-hệ tới:
1. Nét nhìn mong-muốn
 2. Gương mặt (Hình-dạng cái mặt)
 3. Phân-tách tóc
- C. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức choàng khăn cho tất-cả những dịch-vụ tóc
- D. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những khái-niệm cần-thiết việc hớt tóc và hớt tóc kiểu cũng như những liên-hệ tới:
1. Những yếu-tố của phác-họa kiểu tóc
 - a. Hình-thức
 - b. Hình dạng
 - c. Đường lằn
 - d. Màu-sắc
 - e. Đường dọn sóng
 2. Nguyên-tắc của phác-họa kiểu tóc
 - a. Sự cân xứng
 - b. Cân bằng
 - c. Đối xứng
 3. Gương mặt (Hình dạng những gương mặt)
- E. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức gội đầu, dưỡng tóc, thoa-bóp, và chải cũng như những liên-hệ tới:
1. Gội đầu
 - a. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 - b. Phương-thức
 2. Dưỡng tóc
 - a. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 - b. Phương-thức
 3. Xoa-bóp da đầu
 - a. Các loại vận-dụng
 - b. Phương-thức
 4. Những sự chữa-trị da đầu
 - a. Sự lựa chọn sản-phẩm
 - b. Phương-thức
 - c. Thiết-bị
- F. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức hớt tóc cũng như những liên-hệ tới:
1. Những nguyên-tắc hớt tóc căn-bản
 - a. Những vùng của cái đầu
 - b. Độ cao hay sự trừ-định
 - c. Đường viền và góc độ
 - d. Sự kiểm-chứng lại
 - e. Tiả tóc xù bằng kéo tỉa hay bằng dao có khung
 2. Những đồ dùng, những dụng-cụ, và thiết-bị
 - a. Những loại
 - b. Sự chọn-lựa
 - c. Chăm-sóc và bảo-trì sửa-chữa

3. Sự an-toàn
 4. Vị-trí cơ-thể (an-vị cơ-thể)
 5. Những sự hót-tóc căn-bản
 - a. Cắt ngang
 - b. Cắt mỏng
 - c. Tiả mỏng
 6. Những phương-thức hót tóc
 7. Những phương-thức cạo cổ
- G. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức cạo đầu cũng như những liên-hệ tới:
1. Sự sửa-soạn
 2. Phương-thức cạo
 3. Sự an-toàn
- H. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức hót tóc kiểu cũng như những liên-hệ tới:
1. Kiểu tóc ướt
 - a. Những loại kiểu
 - b. Những đồ dùng và những dụng-cụ
 - c. Những phương-thức
 - d. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 2. Chải tóc kiểu bằng nhiệt
 - a. Những loại kiểu
 - b. Những đồ dùng và những dụng-cụ
 - c. Những phương-thức
 - d. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 3. Kiểu tóc tự-nhiên (thí-dụ..,thắt tóc, bó tóc..v.v.)
 4. Sự an-toàn
- I. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những tóc giả, mảng tóc, và tóc kết thêm cũng như những liên-hệ tới:
1. Vật liệu và kiến-trúc
 2. Cung-cấp, tiếp-liệu
 3. Cờ
 4. Những cách-thức kết thêm vào
 5. Kiểu
 6. Giữ-gìn, bảo-trì
- J. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức cho những dịch-vụ hóa chất cũng như những liên-hệ tới:
1. Hóa chất cho cờ tóc
 - a. Hóa chất uốn dợn
 - i. Những phương-thức áp-dụng
 - ii. Sự chọn lựa sản-phẩm
 - b. Tái-tạo những lẩn cong
 - i. Những phương-thức áp-dụng
 - ii. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 - c. Hóa chất duỗi tóc
 - i. Những phương-thức áp-dụng
 - ii. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 2. Màu tóc và nhuộm (bao gồm lông mặt)
 - a. Lý-thuyết màu
 - i. Luật của màu
 - ii. Sắc-tố
 - iii. Mức độ
 - b. Những phương-thức áp-dụng
 - c. Sự chọn-lựa sản-phẩm
 3. Sự an-toàn

3. NHỮNG DỊCH-VỤ LÔNG MẶT (17%)

- A. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về sự thực-hiện tham-khảo khách hàng cũng như những liên-hệ tới:
1. Sự phân-tách da
 2. Tiêu-sử sức-khoẻ
- B. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức choàng khăn cho tất-cả những dịch-vụ lông mặt
- C. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức cạo và kiểu lông mặt cũng như những liên-hệ tới:
1. Những đồ dùng và những dụng-cụ
 2. Cạo mặt
 - a. Sự sửa-soạn
 - b. Những vị-trí và những cái cạo-vuốt
 3. Râu mép và râu quay hàm
 - a. Sự sửa-soạn
 - b. Những sản-phẩm
 4. Sự an-toàn

4. NHỮNG DỊCH-VỤ SĂN-SÓC DA VÀ MẶT (16%)

- A. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về khoa-học lông và tóc cũng như những liên-hệ tới:
1. Giải-phẫu-học của da
 - a. Những lớp của da
 - b. Những thần-kinh của da
 - c. Những hạch của da
 - d. Những loại da
 - e. Sắc-tố da
 - f. Sự lão-hóa của da
 2. Những nhiệm-vụ của da
 3. Những rối-loạn của da
- B. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về sự thi-hành tham-khảo khách hàng cũng như những liên-hệ tới:
1. Sự phân-tách da
 2. Tiêu-sử sức khoẻ
- C. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức choàng khăn cho tất-cả những dịch-vụ săn-sóc da và mặt
- D. Chứng tỏ sự hiểu-biết về những phương-thức cho việc làm mặt cũng như những liên-hệ tới:
1. Những đồ dùng và những dụng-cụ
 2. Thiết-bị
 3. Những sản-phẩm và những vật-liệu
 4. Những loại thoa-mặt vận-dụng (những loại kích-thích xoa mặt)
 5. Những loại chữa-trị mặt
 6. Điện trị-liệu và ánh sáng trị-liệu
 7. Sự an-toàn
- E. Chứng-tỏ sự hiểu-biết về những loại nhổ lông tóc tam-thời

NHỮNG CÂU HỎI KIỂU-MẪU VỀ HỚT TÓC KIỂU

Những câu hỏi kiểu mẫu sau đây cũng tương-tự như những câu hỏi trong NIC phần thi lý-thuyết về hớt tóc kiểu. Mỗi câu hỏi có bốn chọn-lựa trả lời theo sau. Chỉ chọn được một câu trả lời đúng mà thôi. Những câu trả lời đúng (những chìa khóa) được liệt-kê theo sau những câu hỏi kiểu-mẫu.

1. Vi-trùng hình ống Anthrax and tetanus làm thành những loại bào tử nào sau đây?
 - a. Sinh-sản gián phân (Mitosis)
 - b. Lông bơi nhỏ giúp vi-trùng di-chuyển (Flagella)
 - c. Hình cầu (Spherical)
 - d. Nhiễm trùng (Infectious)

2. Tất-cả kéo cắt kiểu Pháp
 - a. là kim loại bạch-kim (cobalt metal).
 - b. có vòng ngón tay.
 - c. được làm tại Pháp.
 - d. có trục chặt.

3. Trước khi làm dịch-vụ cạo râu đá đồ đầu phải được
 - a. rửa và lau khô.
 - b. Tẩy-uế và bọc lại.
 - c. rửa và vớt bỏ.
 - d. làm vệ-sinh và tiệt trùng.

4. Tránh làm tổn-thương các tế-bào cơ, những cử-động xoa-bóp được trực-tiếp
 - a. tránh cơ bắp nguyên-thủy.
 - b. hướng đến cơ bắp nguyên-thủy.
 - c. chung quanh cơ bắp nguyên-thủy.
 - d. phía trên cơ bắp nguyên-thủy.

5. Với điều nào sau đây có thể giảm-bớt vĩnh-viễn chẻ cuối tóc?
 - a. Bôi dầu ở cuối tóc
 - b. Xử-dụng keo dẻo của tóc kiểu ở cuối tóc
 - c. Làm ẩm-ướt cuối tóc
 - d. Cắt bỏ cuối tóc

6. Đường kính của một sợi tóc được gọi là
 - a. đường mọc.
 - b. độ thâm.
 - c. độ dày.
 - d. cỡ.

7. Cái gì nên thi-hành **TRƯỚC NHẤT** trước khi bôi màu tóc vĩnh-viễn?
 - a. Thử lộn tóc
 - b. Thử dị-ứng da
 - c. Thử độ quăn
 - d. Thử cỡ tóc

8. Trước khi làm tiến-trình sodium hydroxide, tóc cần phải được phân-tách để xác-định nó
 - a. chất á-xít (acidity).
 - b. chất kiềm (Alkalinity).
 - c. cỡ, độ thâm, và sự đàn-hồi.
 - d. độ đậm-đặc, màu và chất dính cuối tóc.

Answers

- | | | |
|------|------|------|
| 1. c | 4. b | 7. b |
| 2. b | 5. d | 8. c |
| 3. b | 6. d | |

NHỮNG THAM-KHẢO HỚT TÓ C KIỂU

NHỮNG THAM-KHẢO CHÁNH

Milady's Standard Professional Barbering, 5th Ed. 2011

Author: Maura Scali-Sheahan, Ed D

Milady

5 Maxwell Drive

Clifton Park NY 12065-2919

www.milady.cengage.com

NIC Health and Safety Standards

2011, National-Interstate Council of State Boards of Cosmetology

<http://www.nictesting.org/resources.asp>

Be sure to contact your administration vendor to obtain the most current version of and any addendums to the Health and Safety standards.

NHỮNG HỖ-TRỢ THAM-KHẢO

Milady's Standard Professional Barbering, 2006

Author: Maura Scali-Sheahan

Delmar Learning

5 Maxwell Drive

Clifton Park NY 12065-2919

www.milady.cengage.com